

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN C  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-5-2022.

V/v: “*Tranh chấp về nuôi con  
của nam, nữ chung sống với nhau  
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN C, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Đức Dũng.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Thạch;
2. Ông Bùi Đức Nghĩa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Văn Th, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Tổ 1, ấp Tân T1, xã Tân H, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12-4-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà và ông Đinh Văn Th chung sống với nhau từ năm 1998, không có đăng ký kết hôn, chung sống tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông Th không lo

làm ăn và thường xuyên uống rượu nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà và ông Th đã sống ly thân 04 tháng. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn giữa bà và ông Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu tên Đinh Quốc V, sinh ngày 13-02-2000 và Đinh Quốc C1, sinh ngày 25-3-2011. Nay cháu V đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C1 và không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Đinh Văn Th trình bày:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Thị T về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn. Nay ông đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết việc chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn giữa ông và bà T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 cháu như bà T trình bày. Nay cháu Đinh Quốc V đã thành niên, đi làm, sinh sống ổn định nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý giao cháu Đinh Quốc C1 cho bà T nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Đinh Văn Th là vợ, chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Đinh Quốc C1, sinh ngày 25-3-2011 **cho** bà T **trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục**, ghi nhận bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Đinh Quốc V, sinh ngày 13-02-2000 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T và ông Đinh Văn Th là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Th.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị T và ông Đinh Văn Th chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1998, nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình: Không công nhận bà T và ông Th là vợ, chồng. Việc chung sống giữa bà T và ông Th không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Có 02 cháu tên Đinh Quốc V, sinh ngày 13-02-2000 và Đinh Quốc C1, sinh ngày 25-3-2011. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Th đồng ý giao cháu C1 cho bà T nuôi dưỡng và cháu C1 có nguyện vọng được sống với bà T, do đó Hội đồng xét xử giao cháu C1 cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận, bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu V đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Đinh Văn Th là vợ, chồng. Việc chung sống giữa bà Trần Thị T và ông Đinh Văn Th không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Quốc C1, sinh ngày 25-3-2011 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận, bà Trần Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Đinh Văn Th cấp dưỡng nuôi con. Ông Đinh

Văn Th **có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**. Đối với cháu Đình Quốc V, sinh ngày 13-02-2000 đã thành niên, đi làm sinh sống ổn định nên bà Trần Thị T và ông Đình Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Đình Văn Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007224, ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân C;
- Chi cục THADS huyện Tân C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lê Đức Dũng**